

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58/2021/HSST**
Ngày: 11/11/2021

N H Â N D Â N H
NUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH – TỈNH NAM ĐỊNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân :

Ông Nguyễn Đình Thanh.

Bà Hoàng Thị Thu Hường.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Cán bộ
TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định .

Đại diện VKSND huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh
Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam
Định xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 59/2021/HSST ngày 08 tháng 10 năm
2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/HSST-QĐ ngày 18/10/2021
đối với bị cáo:

Họ và tên: **Mai Văn V** (tên gọi khác là Bờm), Sinh năm: 1993; Nơi cư trú:
Thôn 8, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt
Nam; Dân tộc kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 1/12; Bố đẻ: Mai Văn D;
Sinh năm: 1974; Mẹ đẻ: Phạm Thị H; Sinh năm: 1973; Gia đình có 3 anh em, V là
thứ nhất; Vợ: Hà Thị L - Sinh năm: 1994 (Đã ly hôn); Con: có 01 con sinh năm
2014; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày
13/8/2021. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị Thắm – Trợ giúp
viên, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định.

Người bị hại:

Anh Vũ Đức C, sinh năm 1993. Trú tại: Thôn 9, xã T, huyện T, tỉnh Nam
Định. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1993. Trú tại: Xóm 6 P, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. (vắng mặt tại phiên tòa).

Anh Hoàng Xuân Q, sinh năm 1984. Trú tại: Số 43 phố H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. (vắng mặt tại phiên tòa).

Bà Phạm Thị H, sinh năm 1973. Trú tại: Thôn 8, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Văn V và Vũ Đức C là bạn quen biết nhau. Khoảng 16 giờ ngày 15/6/2021 anh C gọi điện thoại cho V hỏi vay tiền. Lúc này V đang sử dụng xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter BS: 18P6-9869 (là xe V mượn của anh Nguyễn Đức T sử dụng làm phương tiện đi lại từ trước). V biết anh C có chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade BS: 18B2-688.19 nên V muốn mượn xe máy của anh C để đi lên thành phố Nam Định vì xe V cũ không an toàn. V nói với anh C: “Bạn còn một trăm, bạn có vay thì vay, xe có đi không cho bạn mượn xe một hai tiếng”. Anh C đồng ý. V đi xe máy BS: 18P6-9869 đến nhà anh C, V đưa cho anh C mượn 100.000đ. Anh C cầm tiền nói với V: “Xe ở ngoài sân, chìa khóa để ở bàn ra mà lấy”, V lấy chìa khóa xe để trên mặt bàn rồi đi ra ngoài. V để lại chiếc xe máy BS18P6-9869 ở sân nhà anh C rồi đi xe máy mượn của anh C về nhà lấy đồ đưa lên ngã tư đường S2 giao nhau với đường tỉnh lộ 490 ở thành phố Nam Định gửi theo xe ô tô đi tỉnh Hà Giang cho bà Phạm Thị H (là mẹ đẻ V). Đến khoảng hơn 18 giờ cùng ngày V đi về nhưng không đem xe máy trả cho anh C mà tiếp tục đi về nhà anh Nguyễn Đức T chơi. Khoảng 19 giờ cùng ngày anh C gọi điện cho V, V nói ở nhà T, tí về. Anh C cũng có quen biết với anh T nên nói với V mua hộ 05 lít bia, V mua 05 lít bia của anh T hết 85.000đ đem về đưa cho anh C. Anh C nói với V: “Cứ về đi, mai trả xe đưa tiền bia sau” ý tiếp tục cho V mượn xe đến ngày hôm sau (16/6/2021) trả xe cho anh C. V đi xe máy của anh C về nhà. Anh C thấy chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter BS: 18P6-9869 dựng ở sân nhà mình thì hỏi ông T1: “Xe của ai vậy”, ông T1 nói: “Xe của thằng Bờm” ý nói xe của V. Lúc này anh C mới biết V để lại xe máy của V ở lại nhà mình.

Chiều ngày 16/6/2021, V không đem trả lại xe cho anh C mà đi xe máy đến nhà anh T chơi. Khoảng hơn 19 giờ cùng ngày, không thấy V trả xe, anh C sử dụng ứng dụng Messenger mạng xã hội Facebook đăng ký tài khoản là “C Đức Vũ” gọi điện thoại cho V qua tài khoản của V là “Mai Văn V” nhưng V không nghe máy. Sau đó anh C lại tiếp tục nhắn tin gọi điện nhiều lần cho V yêu cầu trả xe nhưng V cố tình không nghe máy, không trả lời. Ngày 17/6/2021 anh C dắt chiếc xe máy BS: 18P6-9869 đem đến nhà V giao cho bà H và yêu cầu bà H gọi điện thoại cho V

về đề giải quyết. Bà H điện thoại cho V yêu cầu V nói chuyện với anh C thì V lại từ chối và tắt máy. Ngày 18/6/2021, anh C lại nhắn tin, gọi điện cho V yêu cầu trả xe. V vẫn nhắn tin cho anh C: “Tao xin lỗi, mai ngày kia tao mang xe về cho”. Những ngày sau đó anh C tiếp tục nhắn tin, gọi điện cho V yêu cầu trả xe nhưng V không nghe, không trả lời và không về nhà.

Mai Văn V khai, do vay nợ của một người bạn tên là L ở thành phố Hải Phòng (không xác định được là ai) số tiền 13 triệu đồng nhưng không có tiền trả, V nảy sinh ý định cầm cổ xe máy mượn của C lấy tiền trả nợ cho L. V liền đi xe máy đến cửa hàng điện thoại di động “Thế giới số” do anh Hoàng Xuân Q làm chủ cầm cổ chiếc xe máy của anh C lấy 7.900.000 đồng và đặt lại bằng lái và chứng minh nhân dân của V.

Do không đủ tiền trả nợ cho L nên chiều ngày 18/6/2021, V vay của anh Trần Văn H số tiền 5.000.000 đồng. Sau đó V gọi điện cho L bằng ứng dụng Messenger hẹn L xuống thị trấn Liễu Đề và trả nợ cho L số tiền 13.000.000 đồng.

Tối ngày 21/6/2021, V lại đến cửa hàng của anh H, nhờ anh H chở đến cửa hàng điện thoại của anh Q. V gặp anh Q vay thêm 5.100.000 đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng) và viết giấy thoả thuận nếu không trả được tiền, anh Q có quyền định đoạt chiếc xe mà V cầm cố. Anh Q đồng ý đưa cho V 5.100.000 đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng) trả lại chứng minh nhân dân cho V. V lấy 05 triệu đồng trả cho anh H. Sau đó V tiếp tục bỏ đi lang thang, trốn tránh không gặp anh C nhằm chiếm đoạt chiếc xe máy, không trả lại cho anh C.

Ngày 23/6/2021 anh C đã trình báo Công an xã T.

Vật chứng thu giữ:

- Thu tại nhà anh Q: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Airblade BS: 18B2-688.19 màu sơn đen, không gương chiếu hậu, hông còi xe, số khung RLHJ4612EY844799, số máy: JF46E5544900 đã cũ; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số Ap 643724 mang tên Mai Văn V, bản phô tô giấy vay tiền.

- Mai Văn V tự nguyện giao nộp: 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter BS: 18P6-9868 màu sơn đen tím, không gương chiếu hậu, số khung: Y-014645, số máy: IS 94-014645 đã cũ.

Bản kết luận định giá tài sản số 23 ngày 16/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Trục Ninh xác định:

- Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade BS: 18B2-688.19 có giá trị 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

- Chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter BS: 18P6-9868 có giá trị là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Đối với anh Hoàng Xuân Q đã có hành vi cầm cố chiếc xe máy Honda Airblade BS: 18B2-688.19, nhưng anh Q không biết chiếc xe máy do Mai Văn V phạm tội mà có, việc cầm cố đến thời điểm phát hiện cũng không xác định lỗi suất nên không phạm tội. Tuy nhiên anh Q không được các cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động kinh doanh cầm đồ, hành vi của anh Q vi phạm điểm a khoản 3 điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ-CP. CQĐT Công an huyện đã thông báo đến Công an huyện Nghĩa Hưng để xử lý theo quy định.

Đối với anh Trần Văn H đã chở Mai Văn V đến gặp anh Hoàng Xuân Q để V tiếp tục vay thêm 5.100.000đ (Năm triệu một trăm nghìn đồng) để trả cho anh H nhưng anh H không biết mục đích V nhờ chở đi để lấy thêm tiền do V cầm cố trước đó và cũng không biết chiếc xe máy do V phạm tội mà có nên không phạm tội.

Đối với người bạn tên L theo V khai là người được V trả số tiền 13 triệu đồng từ tiền cầm cố xe máy mượn của C. V khai L ở thành phố Hải Phòng nhưng V không biết địa chỉ cụ thể ở đâu. CQĐT Công an huyện đã tiến hành xác minh tài khoản Messenger của L nhưng không xác định được là ai để xem xét xử lý.

CQĐT Công an huyện đã tiến hành xác minh chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade BS: 18B2-688.19 là tài sản hợp pháp của anh Vũ Đức C; chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter BS: 18P6-9868 là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Đức T. Cơ quan CSĐT Công an huyện đã trả lại cho anh C và anh T để sử dụng.

Đối với 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Mai Văn V, đây là giấy tờ của V, Cơ quan CSĐT Công an huyện đã trả lại cho Mai Văn V.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản anh Vũ Đức C, anh Nguyễn Đức T không có yêu cầu đề nghị gì.

Do V không có tài sản đã tích cực nhờ bà Phạm Thị H (là mẹ đẻ V) đã trả lại cho anh Hoàng Xuân Q số tiền 13 triệu đồng. Anh Q đã nhận đủ số tiền trên và không có đề nghị gì khác về mặt dân sự.

Số tiền 100.000đ (một trăm nghìn đồng) anh C vay của V và 85.000đ (Tám mươi năm nghìn đồng) anh C nhờ V mua bia giúp chưa trả. Đây là việc vay nợ cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội. V cũng không yêu cầu anh C phải trả nên không xem xét xử lý.

Tại cơ quan điều tra Mai Văn V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Cáo trạng số 57/CT-VKS-TN ngày 08 tháng 10 năm 2021 của VKSND huyện Trục Ninh đã truy tố bị cáo Mai Văn V về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 175 BLHS.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Đại diện VKSND huyện Trục Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản cáo trạng nêu trên, sau khi luận tội đã đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS;

Xử phạt: Mai Văn V từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 đến 36 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản thu giữ đã trả cho người bị hại, không có yêu cầu đề nghị gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Người bào chữa cho bị cáo: Cáo trạng của VKSND huyện Trục Ninh truy tố bị cáo V là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, bị cáo nhất thời phạm tội, quá trình điều tra truy tố xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, tích cực nhờ gia đình khắc phục hậu quả, bản thân bị cáo bị tai nạn lao động đến nay bị cáo bị hạn chế khả năng lao động, hoàn C gia đình thuộc hộ cận nghèo, do vậy đề nghị HĐXX căn cứ điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS; cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo dưới mức hình phạt mà đại diện VKSND huyện Trục Ninh đề nghị.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo có lời nói sau cùng, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN;

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình Điều tra, truy tố đều hợp pháp.

[2] Từ những chứng cứ nêu trên - HĐXX nhận thấy có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 15/6/2021 Mai Văn V có hành vi lợi dụng sự tin tưởng của anh Vũ Đức C, V đã mượn chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade BS: 18B2-688.19 trị giá 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) của anh C đem đi cầm cố cho anh Hoàng Xuân Q lấy số tiền 13.000.000 đồng để sử dụng việc cá nhân, sau đó không mang xe trả lại cho anh C.

[3] Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 175 BLHS. Như bản Cáo trạng số 57/CT-VKS-KSĐT ngày 08 tháng 10 năm 2021 của VKSND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân là khách thể được Bộ Luật hình sự công nhận và bảo vệ. Bị cáo là người đã đầy đủ trách hình sự, nhận thức được hành vi lợi dụng sự tin tưởng của người khác nhằm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi, vi phạm pháp luật của mình.

[4] Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã khắc phục được hậu quả, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[6] Về hình phạt: Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo đã gây ra, xét nhân thân của các bị cáo, HĐXX thấy bị cáo nhân thân tốt, nhất thời phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật, Do vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: người bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH;

Tuyên bố bị cáo Mai Văn V phạm tội “ ***Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản***”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS.

Xử phạt Mai Văn V 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/11/2021.

Giao bị cáo Mai Văn V cho chính quyền địa phương xã T, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo qui định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326 /NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Mai Văn V phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định (1 bản);
- VKSND huyện Trực Ninh (2 bản);
- Công an huyện Trực Ninh (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh (1 bản);
- UBND xã T, huyện T (1 bản);
- Lưu HSVA (2 bản);
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Mai Xuân Mạnh